TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG
Bản án số: 51/2019/HS-ST
Ngày 02/ 8/ 2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Vinh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Kim Oanh

Ông Nguyễn Ngọc Trứ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hoan- Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 31 tháng 7, ngày 02 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 29/2018/TLST-HS ngày17 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử : 47/2019/QĐXXST-HS ngày 17/7/2019 đối với các bị cáo:

1-Họ và tên: **Nguyễn Danh N** – sinh ngày 30/8/1995; Giới tính: Nam; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: thôn V T, xã Đ T, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Nghề nghiệp: Tự do;Trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Danh B- sinh năm 1967; Con bà: Hoàng Thị Đ- sinh năm 1973. Vợ: Vũ Thị Kim O- sinh năm 1999. Bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2017. Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai. Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Bản án số 135/2013/HSPT ngày 06/8/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xử phúc thẩm, phạt Nguyễn Danh N 18 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích".

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 11/12/2018 đến ngày 20/12/2018, Hiện tại ngoại có mặt tại phiên tòa

2. Họ và tên: **Phạm Văn Q** - sinh năm 1996. Giới tính: Nam; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: thôn H P, xã TT, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Nghề nghiệp: Tự do;Trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Văn Q- sinh năm 1973; Con bà: Nguyễn Thị Y- sinh năm 1975. Vợ, con: Chưa có: Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con đầu.Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 11/12/2018 đến ngày 20/12/2018. Hiện tại ngoại có mặt tại phiên tòa

Bị hại:

1- Chị Nguyễn Thị H sinh năm 1980 vắng mặt

Địa chỉ; Thôn D H, xã Đ T, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

2- Chị Vũ Thị Kim O sinh ngày 18/10/1999 có mặt

Địa chỉ; Thôn V T, xã Đ T, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Anh Nguyễn Văn M sinh năm 1990 vắng mặt

Địa chỉ; Thôn S L, xã Đ T, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

Người làm chứng:

Bà Trương Thị D sinh năm 1976 vắng mặt

Địa chỉ; Thôn P T, xã D T, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mối quan hệ quen biết nhau nên khoảng 19 giờ ngày 24/10/2018, Nguyễn Danh N - sinh năm 1995, trú tại Thôn V T, xã Đ T, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang rủ Phạm Văn Q- sinh năm 1996, trú tại thôn H P, xã TT, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang đi trộm cắp tài sản, Q đồng ý. Sau đó, Q điều khiển xe nô tô nhãn hiệu Honda WAVE A, màu đen, biển kiểm soát 98D1-143.77 đến nhà đón N cùng đi quanh khu vực thuộc địa bàn huyện Hiệp Hòa xem ai có tài sản sơ hở thì trộm cắp. Khi đi đến đoạn bờ đê thuộc khu vực thôn Đại Đồng, xã Danh Thắng, huyện Hiệp Hòa thì Q và N nhìn thấy một chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda FUTURE, màu sơn xanh, mang biển kiểm soát: 98H1-7765 của chị Nguyễn Thị H- sinh năm 1980 trú tại thôn Dinh Hương, xã Đức Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang để ở rìa đường, đầu xe hướng vào tường, đuôi xe hướng ra ngoài đường, không có ai trông coi. N bảo Q dừng xe lại để cảnh giới, N xuống xe đi đến gần chiếc xe mô tô của chị H, dắt xe đi ngược với vị trí Q đang đứng được khoảng 50 mét thì dừng lại, N dùng hai tay tháo rắc ổ điện bên trong mặt lạ của đầu xe. Sau đó, N đạp cần khởi động của xe và nổ máy rồi điều khiển xe về nhà. Thấy N trộm cắp được xe, Q cũng đi về nhà Q. Khi về đến nhà, N dùng chìa khóa chiếc xe mô tô DREAM của gia đình mở được cốp chiếc xe vừa trộm cắp thấy bên trong cốp xe có một đăng ký xe mô tô biển kiểm soát: 98H1-7765 trùng với biển số chiếc xe mà N vừa trộm cắp được. Sau đó, N lấy tô vít của gia đình tháo yếm chiếc xe môtô của chị H ra rồi mang đến rìa đường tỉnh lộ 296 thuộc khu vực xã Đức Thắng, huyện Hiệp Hòa vứt bỏ tại đó. Đến sáng ngày 25/10/2018, N điện thoại cho anh Nguyễn Văn M- sinh năm 1990 ở Sa Long, Đức Thắng, Hiệp Hòa, Bắc Giang và nói là có chiếc xe máy không dùng đến muốn bán, M và N hẹn gặp nhau ở quán thịt chó của anh Trần Văn B ở thôn Sa Long, xã Đức Thắng, huyện Hiệp Hòa. Tại đây, N đã bán chiếc xe trộm cắp được của chị H cho anh Minh được

2.300.000 đồng. Sau đó, N điện thoại cho Q đến quán của anh Thao đón N, N chia cho Q: 600.000 đồng nói là tiền bán xe trộm cắp được. N và Q đã ăn tiêu cá nhân hết.

Tại kết luận số 39 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Hiệp Hòa, định giá chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda FUTURE biển kiểm soát: 98H1-7765 trị giá: 8.000.000đồng; 01 đôi yếm xe mô tô, kiểu dáng Honda FUTURE, trị giá: 500.000 đồng. Tổng giá trị tài sản trộm cắp là: 8.500.000đồng

Ngày 11/12/2018, anh Nguyễn Văn Minh đã giao nộp chiếc xe môtô nhãn hiệu Honda FUTURE biển kiểm soát: 98H1-7765 mà anh Minh đã mua của N.

Đối với chiếc yếm xe mô tô nhãn hiệu Honda FUTURE biển kiểm soát: 98H1-7765, Nguyễn Danh N khai đã tháo và vứt bỏ ở khu vực rìa đường tỉnh lộ 295 thuộc địa phận Thôn Văn Tự, xã Đức Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thu hồi được.

Ngoài hành vi nêu trên, Cơ quan điều tra còn xác định được Nguyễn Danh N- sinh ngày 30/8/1995 có hành vi giao cấu với trẻ em, cụ thể: Khoảng tháng 4/2015, Nguyễn Danh N quen biết với chị Vũ Thị Kim O- sinh ngày 18/10/1999, trú tại thôn Nam Đồng, xã Danh Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang và cả hai nảy sinh quan hệ yêu đương. Khoảng tháng 7/2015, N và chị O tự nguyện quan hệ tình dục với nhau một lần dẫn đến chị O có thai. Đến khoảng tháng 12/2015, gia đình phát hiện chị O đã mang thai khoảng 05 tháng. Đến ngày 25/12/2015 thì chị O về gia đình N sinh sống cho đến ngày 22/3/2016 thì chị O sinh cháu Nguyễn Thị Vân D tại Trung tâm y tế huyện Hiệp Hòa.

Bản kết luận giám định pháp y về ADN số: 74/19/TC-ADN ngày 15/03/2019 của Viện Pháp Y Quốc Gia kết luận: Nguyễn Danh N có quan hệ huyết thống bố - con với Nguyễn Thị Vân D, độ tin cậy 99,9999 %;Vũ Thị Kim O có quan hệ huyết thống mẹ - con với Nguyễn Thị Vân D, độ tin cậy 99,9999 % (BL98-104)

Từ hành vi nêu trên của Nguyễn Danh N và Phạm Văn Q Cáo trạng số 39 /CT-VKS-HH ngày 16/5/2019 của Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang đã truy tố Nguyễn Danh N ra trước Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa để xét xử về tội "Giao cấu với trẻ em" theo quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 115 Bộ luật Hình sự năm 1999(sửa đổi bổ sung năm 2009) và tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và Phạm Văn Q về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự .

Tại Cơ quan điều tra, cũng như tại phiên tòa hôm nay Nguyễn Danh N khai nhận: khoảng 19 giờ ngày 24/10/2018, Nam rủ Phạm Văn Quý đi trộm cắp tài sản, Q đồng ý. Sau đó, Quý điều khiển xe mô tô WAVE A, màu đen, biển kiểm soát 98D1-143.77 đến nhà đón N đi quanh khu vực thuộc huyện Hiệp Hòa xem ai có tài sản sơ hở thì trộm cắp. Khi đi đến đoạn bờ đê thuộc khu vực thôn Đại Đồng, thì Q và N nhìn thấy một chiếc xe mô tô FUTURE, màu sơn xanh, biển kiểm soát: 98H1-7765 để ở rìa đường, không có ai trông coi. N bảo Q dừng xe lại cảnh giới, N xuống xe đi đến chiếc xe mô tô dắt xe đi ngược với vị trí Q đang đứng được khoảng 50 mét thì dừng lại, N tháo rắc ổ điện, khởi động xe nổ máy rồi điều khiển xe về nhà. N mở cốp xe vừa trộm cắp có một đăng ký mô tô biển kiểm soát: 98H1-7765. Sau đó, N lấy tô

vít tháo yếm mang đến rìa đường tỉnh lộ 296 thuộc vứt bỏ. Sáng ngày 25/10/2018, N đã bán chiếc xe trộm cắp được cho anh Minh được 2.300.000đồng. Sau đó, N điện thoại cho Quý đến quán của anh Thao đón N, N chia cho Q 600.000đồng nói là tiền bán xe trộm cắp được, số tiền còn lại N chi tiêu cá nhân hết.

Ngoài ra N khai; Khoảng tháng 4/2015, Nam quen biết với chị Vũ Thị Kim O- sinh ngày 18/10/1999, trú tại thôn Nam Đồng, xã Danh Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang và cả hai nảy sinh quan hệ yêu đương. Khoảng tháng 7/2015, N và chị O tự nguyện quan hệ tình dục với nhau dẫn đến chị O có thai. Đến tháng 12/2015, gia đình phát hiện chị O đã có thai khoảng 05 tháng. Đến ngày 25/12/2015 thì chị O về gia đình N sinh sống cho đến ngày 22/3/2016 thì chị O sinh cháu Nguyễn Thị Vân D tại Trung tâm y tế huyện Hiệp Hòa.

Tại Cơ quan điều tra, cũng như tại phiên tòa hôm nay Phạm Văn Q khai nhận: khoảng 19 giờ ngày 24/10/2018 Nam dủ đi trộm cắp tài sản cho nên Quý đã dùng xe mô tô BKS của gia đình Q chở Nam đi quanh khu vực huyện Hiệp Hòa có ai sơ hở thì trộm cắp. Khi đi đến đoạn bờ đê thuộc khu vực thôn Đại Đồng, xã Danh Thắng, huyện Hiệp Hòa thì Q và N nhìn thấy một chiếc xe mô tô FUTURE, màu sơn xanh, biển kiểm soát: 98H1-7765 để ở rìa đường, không có ai trông coi. N bảo Q dừng xe lại Q dừng xe, N xuống xe đi đến chiếc xe mô tô dắt xe đi ngược với vị trí Q đang đứng được khoảng 50 mét thì dừng lại tháo rắc ổ điện nổ máy sau đó, N điều khiển xe về nhà, Q về nhà Q, sáng hôm sau N gọi Q đón N ở quán nhà anh Thao, tại nhà anh Thao N đưa cho Q 600.000đ nói là tiền bán xe trộm cắp được số tiền này Q đã chi tiêu hết.

Bị hại; Chị Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại Cơ quan điều tra Công an huyện Hiệp Hòa chị xác định khoảng 19 giờ ngày 24/10/2018 chị đề xe mô tô nhãn hiệu Honda FUTURE biển kiểm soát: 98H1-7765 trên bờ đê thuộc khu vực thôn Đại Đồng, xã Danh Thắng sau đó bị mất. Nay chị đã nhận lại chiếc mô tô nhãn hiệu Honda FUTURE biển kiểm soát: 98H1-7765 và không có yêu cầu gì về việc bồi thường dân sự.

Chị Vũ Thị Kim O trình bầy chị là con bà Dư và ông Quảng chị sinh ngày 18/10/1999 do tháng 4/ 2015 chị quen N và nẩy sinh yêu nhau cho đến khoảng tháng 7/2015 chị và N tự nguyện quan hệ tình dục với nhau dẫn đến chị có thai. Đến tháng 12/2015, gia đình phát hiện chị có thai khoảng 05 tháng. Đến ngày 25/12/2015 thì chị về gia đình N sinh sống cho đến ngày 22/3/2016 thì chị sinh cháu Nguyễn Thị Vân D tại Trung tâm y tế huyện Hiệp Hòa. Nay chị xác định chị và N quan hệ tình dục với nhau khi chị chưa đủ 16 tuổi và có thai sinh cháu Vân D đến nay chị và N vẫn sinh sống với nhau. Tại phiên tòa chị xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo N

Anh Nguyễn Văn M vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa anh khai; ngày 25/10/2018 Nam gọi điện nói có chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda FUTURE biển kiểm soát: 98H1-7765 bán cho nên anh và N hẹn nhau ở quán, anh Thấy giấy tờ xe đầy đủ cho nên anh mua của N giá 2.300.000 đồng sau đó bị cơ quan Công an thu hồi. Nay anh xác định xe đó anh mua

của N và không biết là xe do N trộm cắp mà có, nay N chưa bồi thường cho anh nhưng anh chưa yêu cầu N bồi thường cho anh số tiền 2.300.000đồng.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98D1-143.77 là tài sản hợp pháp của ông Phạm Văn Quốc và bà Nguyễn Thị Yến (là bố, mẹ đẻ của Q), ông Quốc và bà Yến không biết Quý sử dụng chiếc xe mô tô này để đi trộm cắp. Do vậy, không thu giữ.

Bà Trương Thị Dư vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại cơ quan điều tra bà trình bầy; bà và ông Quảng kết hôn với nhau đến 18/10/1999 bà sinh Vũ Thị Kim O tại trạm y tế xã Đoan Bái sau đó gia đình bà đã đến UBND xã Đoan Bái khai sinh cho Vũ Thị Kim O. Tháng 12 năm 2015 gia đình phát hiện Kim O có thai khoảng 5 tháng cho nên gia đình bà đã để O về gia đình Nam sinh sống đến ngày 22/3/2016 O sinh con tại trung tâm y tế huyện Hiệp Hòa. Việc Kim O và N quan hệ tình dục với nhau tháng 7 năm 2015 lúc đó Kim O chưa đủ 16 tuổi.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa giữ nguyên quan điểm như cáo trạng truy tố bị cáo N về hai tội: tội " Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và tội "Giao cấu với trẻ em" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 115 Bộ luật Hình sự năm 1999(sửa đổi bổ sung năm 2009).Truy tố Q về tội " Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; Sau khi phân tích tính chất vụ án, các tình tiết tặng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Danh N phạm hai tội "Giao cấu với trẻ em" và tội " Trộm cắp tài sản" , bị cáo Phạm Văn Q phạm tội " Trộm cắp tài sản" và đề nghị HĐXX

1. Căn cứ điểm d Khoản 2 Điều 115, p khoản 1 điều 46, điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999(sửa đổi bổ sung năm 2009) khoản 1 điều 173; điểm s khoản 1,2 Điều 51 điều 17, điều 58, Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Danh Nam Xử phạt Nguyễn Danh Nam: từ 36 tháng đến 42 tháng tù về tội "Giao cấu với trẻ em" và từ 09 tháng đến 12 tháng về tội " Trộm cắp tài sản" Tổng hợp hình phạt chung cho hai tội buộc Nguyễn Danh N phải chấp hành từ 45 tháng tù đến 54 tháng tù Thời hạn tù tính từ ngày bắt để thi hành án nhưng được trừ những ngày tạm giữ từ ngày 11/12/2018 đến ngày 20/12/2018.

Căn cứ khoản 1 điều 173; điểm s khoản 1,2 Điều 51 điều 17, điều 58, Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Văn Q; Xử phạt Phạm Văn Q: từ 06 tháng tù đến 9 tháng tù về tội " Trộm cắp tài sản" Thời hạn tù tính từ ngày bắt để thi hành án nhưng được trừ những ngày tạm giữ từ ngày 11/12/2018 đến ngày 20/12/2018.

*Về án phí:*áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí tòa án; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo Nguyễn Danh N và Phạm Văn Q mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và đề nghị tuyên quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện cơ bản theo các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra , truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật.

[2]. Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai tại Cơ quan điều tra về thời gian, địa điểm, quá trình các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Khoảng 19 giờ ngày 24/10/2018, Nguyễn Danh N rủ Phạm Văn Q đi trộm cắp tài sản, Q điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 98D1-143.77 đến nhà đón N đi quanh khu vực huyện Hiệp Hòa xem ai có tài sản sơ hở thì trộm cắp. Đi đến bờ đê khu vực thôn Đại Đồng, xã Danh Thắng thì Q và N nhìn thấy một chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda, sơn xanh, mang biển kiểm soát: 98H1-7765 của chị Hà để ở rìa đường, không có ai trông coi. N bảo Q dừng xe lại để lấy xe, Nam xuống xe đi đến chiếc xe của chị H dắt xe đi ngược chiều với vị trí Q đứng được khoảng 50 mét thì dừnng lại tháo rắc ổ điện, nổ máy rồi điều khiển xe về nhà. Thấy N trộm cắp được xe, Q đi về nhà. Khi về đến nhà, N mở cốp xe vừa trộm cắp thấy có đăng ký xe mô tô biển kiểm soát: 98H1-7765. Sau đó N tháo yếm rồi mang đến rìa đường tỉnh lộ 296 thuộc khu vực xã Đức Thắng vứt bỏ tại đó. Đến sáng ngày 25/10/2018, N gọi cho anh M nói là có chiếc xe máy không dùng đến muốn bán, Minh và N hẹn gặp nhau ở quán nhà anh Binh. N đã bán chiếc xe trộm cắp cho anh Minh được 2.300.000đồng. Sau đó, N gọi Q đến quán của anh Thao đón N, N chia cho Q 600.000đồng nói là tiền bán xe trộm cắp được. N và Q đã ăn tiêu cá nhân hết. Tổng giá trị tài sản mà N, Quý trộm cắp là: 8.500.000đồng. Như vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn Danh N và Phạm Văn Q phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa Nguyễn Danh N còn khai khoảng tháng 4/2015, Nguyễn Danh N sinh 30/8/1995 quen biết với chị Vũ Thị Kim O sinh ngày 18/10/1999 sau đó cả hai nảy sinh quan hệ yêu nhau. Khoảng tháng 7/2015, N và chị O tự nguyện quan hệ tình dục với nhau dẫn đến chị O có thai. Đến tháng 12/2015 phát hiện chị O đã mang thai khoảng 05 tháng. Đến ngày 25/12/2015 thì chị O về gia đình N sinh sống ngày 22/3/2016 chị O sinh cháu Nguyễn Thị Vân D tại Trung tâm y tế huyện Hiệp Hòa.

Bản kết luận giám định pháp y về ADN số: 74/19/TC-ADN ngày 15/03/2019 của Viện Pháp Y Quốc Gia kết luận: Nguyễn Danh N có quan hệ huyết thống bố - con với Nguyễn Thị Vân D, độ tin cậy 99,9999 %;Vũ Thị Kim O có quan hệ huyết thống mẹ - con với Nguyễn Thị Vân D, độ tin cậy 99,9999 %. Như vậy Nguyễn Danh N sinh 30/8/1995 đã thành niên quan hệ tình dục với chị Vũ Thị Kim O sinh ngày 18/10/1999 chưa đủ 16 tuổi làm chị O có thai và sinh cháu Nguyễn Thị Vân D ngày 22/3/2016. N quan hệ tình dục với chị O tháng 7/2015 khi Bộ luật hình sự năm

2015 chưa có hiệu lực pháp luật. Như vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ để kết luận Nguyễn Danh N phạm tội "Giao cấu với trẻ em" theo quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 115 Bộ luật Hình sự năm 1999(sửa đổi bổ sung năm 2009).

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ. Làm mất trật tự trị an xã hội, tài sản trộm cắp là loại tài sản phải đăng ký khó tiêu thụ. Nhưng các bị cáo vẫn trộm cắp, thể hiện sự ngang nhiên coi thường pháp luật, gây hoang mang dao động và bất bình trong quần chúng nhân dân ngoài ra N là người đã thanh niên quan hệ tình dục với chị O khi chị O chưa đủ 16 tuổi. Hành vi của bị cáo N là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến sự phát triển bình thường về tình dục đối với người dưới 16 tuổi. Làm mất trật tự trị an xã hội,gây hoang mang dao động và bất bình trong quần chúng nhân dân. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm đối với bị cáo để giáo dục riêng và góp phần ngăn đe phòng ngừa chung.

. Xét về vai trò của các bị cáo đối với hành vi trộm cắp tài sản thấy rằng: Đây là vụ án đồng phạm mang tính chất giản đơn, tuy có sự rủ dê nhưng giữa các bị cáo không có sự phân công bàn bạc cụ thể. Xong xét thấy bị cáo N có vai trò chính bởi lẽ N là người dủ Q và là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, đồng thời là người tiêu thụ và được hưởng lợi nhiều hơn so với q cho nên cần xử N với mức án cao hơn so với Q. Ngoài ra Nam còn phạm tội "Giao cấu với trẻ em" cho nên cần xử N với mức án đáng kể để giao dục N chở thàng công dân có ích cho xã hội.

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Nguyễn Danh N năm 2013 bị xử phạt 18 tháng tù về tội cố ý gây thương tích nhưng đã được xóa án tích, cho nên các bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải và đều đầu thú cho nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo Phạm Văn Q còn phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng cho nên bị cáo Q còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Điểm i khoản 1 điều 51 BLHS xét thấy không cần cách ly bị cáo Q ra khỏi xã hội cũng đảm bảo giáo dục riêng và dăn đe phòng ngừa chung.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa đề nghị đường lối giải quyết vụ án cơ bản là phù hợp cần chấp nhận

.Về hình phạt bổ xung N và Q đều không có công ăn việc ổn làm định sống phụ thuộc bố mẹ và gia đình cho nên cần miễn hình phạt bổ xung là phạt tiền cho bị cáo.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98D1-143.77 là tài sản hợp pháp của ông Phạm Văn Quốc và bà Nguyễn Thị Yến (là bố, mẹ đẻ của Qúy), ông Quốc và bà Yến không biết Quý sử dụng chiếc xe mô tô này đi trộm cắp nên không thu giữ.

Đối với chiếc xe môtô biển kiểm soát: 98H1-7765 là của chị Hà cơ quan điều tra đã trả cho H nay chị H không yêu cầu về dân sự cho nên không xem xét. Đối với số tiền Nam bán xe trộm cắp cho anh Nguyễn Văn M được 2.300.000đ N đã chia cho

Q 600.000đ nay anh Minh chưa yêu cầu vì vậy cần tách ra để giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

Về án phí; Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Danh N** phạm tội " Trộm cắp tài sản " và tội "Giao cấu với trẻ em", bị cáo Phạm Văn Q phạm tội " Trộm cắp tài sản "

*Căn cứ vào điểm d Khoản 2 Điều 115 Bộ luật Hình sự năm 1999(sửa đổi bổ sung năm 2009). khoản 1 điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật hình sự; Điều 331; Điều 332, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự đối với Nguyễn Danh N

Xử phạt; **Nguyễn Danh N** 8 tháng (tám tháng) tù về tội " Trộm cắp tài sản " 36 tháng tù về tội Giao cấu với trẻ em"

Căn cứ vào điều 55 Bộ luật hình sự về quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội buộc Nguyễn Danh N phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 44 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt để thi hành án nhưng được trừ những ngày tạm giữ từ ngày 11/12/2018 đến ngày 20/12/2018.

* Căn cứ vào khoản 1, điều 173; điểm s, điểm i khoản 1,2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự; Điều 331; Điều 332, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự đối với **Phạm Văn Q**.

Xử phạt; **Phạm Văn Q** 6 tháng (sáu tháng) tù về tội " Trộm cắp tài sản " nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Phạm Văn Q cho Uỷ ban nhân dân xã Thường Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại điều 56 Bộ luật hình sự

-*Về án phí:* Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí tòa án; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo Nguyễn Danh N, Phạm Văn Q mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b Điều 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các bị cáo, bị hại có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- THADS huyện Hiệp Hòa;
- Công an huyện Hiệp Hòa;
- Bị cáo, Đương sự
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hà Văn Vinh